

Số: *72* /QĐ-CQLTT

Quảng Trị, ngày *09* tháng *02* năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022

CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 3647/QĐ-BCT ngày 11 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường;

Căn cứ Quyết định số 3109/QĐ-TCQLTT ngày 31/12/2021 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công khai dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị (có phụ lục chi tiết kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Kế toán trưởng và các Phòng, Đội quản lý thị trường trực thuộc Cục chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, KT.

Q. CỤC TRƯỞNG



Nguyễn Việt Thế



**TỔNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG
CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH QUẢNG TRỊ**

PHỤ LỤC

Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022

(Kèm theo Quyết định số **72** /QĐ-CQLTT ngày **09** tháng **02** năm 2022
của Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị)

Đơn vị: **Cục Quản lý thị trường tỉnh Quảng Trị**

Kho bạc nhà nước giao dịch: **Kho bạc nhà nước tỉnh Quảng Trị**

Mã số kho bạc nhà nước: **1561**

Mã số đơn vị QHNS: **1036286**

Đơn vị: đồng

TT	Nội dung chi	Kinh phí được giao	Ghi chú
1	Kinh phí thực hiện tự chủ	9.943.000.000	
1.1	Tổng quỹ lương công chức và định mức chi QLHC	9.069.000.000	
1.2	Lương lao động hợp đồng	874.000.000	
2	Kinh phí không thực hiện tự chủ	4.833.000.000	
2.1	Kinh phí thuê trụ sở làm việc, kho hàng	184.000.000	
2.2	Kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa cơ sở vật chất (Trụ sở làm việc Đội QLTT số 2)	3.627.000.000	
2.3	Kinh phí xử phạt VPHC; kinh phí hỗ trợ CBL, gian lận thương mại, hàng giả; BCD 389 ngành	1.022.000.000	
	Tổng cộng:	14.776.000.000	

(Bằng chữ: Mười bốn tỷ, bảy trăm bảy mươi sáu triệu đồng chẵn./.)